Chi tiết mã HS 3203.00.90

Mã HS	3203.00.90
Mô tả hàng hóa	Các chất màu có nguồn gốc từ thực vật hoặc động vật (kể cả các chất chiết xuất nhuộm nhưng trừ muội than động vật), đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học; các chế phẩm đã được ghi trong Chú giải 3 của Chương này dựa trên chất màu có nguồn gốc từ thực vật hoặc động vật / - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 14:55:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/32030090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4795
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4795
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4795
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4679
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4640
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4640
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4640
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4640
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4640
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4640
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4678
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4678
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4678
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4678

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4678
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4678
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4682
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4682
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4682
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4682
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4682
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4682
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4682
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4646
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4642
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4642
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4642
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4642
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4642
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4642
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4642
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4642
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4642
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4642
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4642
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4642
VCFTA	2022	2022	5	VC!D4689
VCFTA	2023	2023	5	VC!E4689
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4689
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4689

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4689
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4689
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4686
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4686
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4686
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4686
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4686
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4686
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4694
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4694
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4694
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4694
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4694
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4694
EVFTA	2022	2022	3,1	EV-NK!D4665
EVFTA	2023	2023	2,5	EV-NK!E4665
EVFTA	2024	2024	1,8	EV-NK!F4665
EVFTA	2025	2025	1,2	EV-NK!G4665
EVFTA	2026	2026	0,6	EV-NK!H4665
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4665
UKVFTA	2022	2022	3,1	UKV!D4667
UKVFTA	2023	2023	2,5	UKV!E4667
UKVFTA	2024	2024	1,8	UKV!F4667
UKVFTA	2025	2025	1,2	UKV!G4667
UKVFTA	2026	2026	0,6	UKV!H4667
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4667

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4665
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4665
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4665
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4665
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4665
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4665
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4665
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4686
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4686
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4686
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4686
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4686
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4686
RCEP B	2022	2022	0	B!D4686
RCEP B	2023	2023	0	B!E4686
RCEP B	2024	2024	0	B!F4686
RCEP B	2025	2025	0	B!G4686
RCEP B	2026	2026	0	B!H4686
RCEP B	2027	2027	0	B!I4686
RCEP C	2022	2022	0	C!D4686
RCEP C	2023	2023	0	C!E4686
RCEP C	2024	2024	0	C!F4686
RCEP C	2025	2025	0	C!G4686
RCEP C	2026	2026	0	C!H4686
RCEP C	2027	2027	0	C!I4686
RCEP D	2022	2022	0	D!D4686

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4686
RCEP D	2024	2024	0	D!F4686
RCEP D	2025	2025	0	D!G4686
RCEP D	2026	2026	0	D!H4686
RCEP D	2027	2027	0	D!I4686
RCEP E	2022	2022	0	E!D4689
RCEP E	2023	2023	0	E!E4689
RCEP E	2024	2024	0	E!F4689
RCEP E	2025	2025	0	E!G4689
RCEP E	2026	2026	0	E!H4689
RCEP E	2027	2027	0	E!I4689
RCEP F	2022	2022	0	F!D4686
RCEP F	2023	2023	0	F!E4686
RCEP F	2024	2024	0	F!F4686
RCEP F	2025	2025	0	F!G4686
RCEP F	2026	2026	0	F!H4686
RCEP F	2027	2027	0	F!I4686
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F4320
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G4320
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4320
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4320

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3203.00 có 2 dòng thuế; dòng 3203.00.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3203.00.10 Loại sử dụng trong công nghiệp thực phẩm hoặc đồ uống	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3203.00.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3203.00.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4795), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.